

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÔNG NÔNG
TỈNH CAO BẰNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2018/HSST
Ngày 28/8/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÔNG NÔNG, TỈNH CAO BẰNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đàm Thị Ngân.**

2. Bà **Tô Thị Thi.**

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thiết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Diễm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2018/TLST- HS ngày 10 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST- HS ngày 13 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Vương Văn Q** (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 24 tháng 6 năm 1990, tại xã L, huyện T, tỉnh C; Nơi cư trú: xóm N, xã L, huyện T, tỉnh C; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vương Văn Ch (đã chết) và bà Ngô Thị Th; Anh chị em ruột: Gia đình có 04 anh, chị em, bị cáo là con út; Có vợ: Sầm Thị N, sinh năm 1994 và có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/6/2018 tại nhà tạm giữ Công an huyện T. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:* Triệu Văn T, sinh năm: 1986; Trú tại: Xóm N, xã L, huyện T, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 20 phút, ngày 15/6/2018 Tổ công tác Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đang làm nhiệm vụ tại khu vực dốc K thuộc xóm Đ, xã L, huyện T, tỉnh C đã phát hiện Vương Văn Q, sinh năm 1990, trú tại xóm N, xã L, huyện T,

tỉnh C, đang điều khiển xe mô tô BKS 11H1-181.92 chở theo Triệu Văn T, sinh năm 1986, trú tại xóm N, xã L, huyện T, tỉnh C, đi từ hướng huyện H vào huyện T có dấu hiệu nghi vấn nên yêu cầu kiểm tra hành chính.

Phát hiện Tổ công tác, Q thả từ tay trái xuống mặt đường 01 gói nhỏ màu trắng. Tiến hành kiểm tra gói nhỏ phát hiện bên ngoài được gói bằng giấy có vỏ bao thuốc lá màu trắng, tiếp theo là 01 lớp nylon trong suốt, mở ra là một lớp giấy bạc màu trắng của vỏ bao thuốc lá, mở lớp giấy bạc này ra bên trong có 06 gói nhỏ được gói bằng giấy bạc bao thuốc lá trong đó có 04 gói được gói bằng giấy màu vàng và 02 gói được gói bằng giấy màu trắng. Mở tất cả các gói trên ra bên trong đều có chứa chất bột màu trắng. Q khai nhận đó là Hêrôin, Q vừa mua ở Thành phố C với giá 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngoài ra tổ công tác còn thu của Q 01 chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Mobistar nắp sau màu trắng, thu của T 01 hiếc điện thoại đã qua sử dụng nhãn hiệu Samsung nắp sau màu đồng, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Triệu Văn T và một chiếc xe mô tô BKS 11H1-181.92 nhãn hiệu Yamaha màu đen – xám đã qua sử dụng (*Bút lục số: 14,15*).

Căn cứ kết quả điều tra cùng tang vật thu giữ được ngày 18/6/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã dẫn giải Q ra Phòng PC 47 Công an tỉnh C để mở niêm phong cân xác định khối lượng. Kết quả số tang vật thu giữ được của Q có khối lượng tịnh là 0,32 gam đồng thời trích một phần gửi đến Phòng PC54 Công an tỉnh C giám định (*Bút lục số: 49,50*).

Tại kết luận giám định số 121/GĐMT ngày 26/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh C kết luận: Mẫu chất bột màu trắng trong phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, loại ma túy là Hêrôin (*bút lục số: 22*).

Tại cơ quan cảnh sát điều tra Q khai nhận như sau: Ngày 15/6/2018 khi đang làm thuê tại xã P, huyện H, tỉnh C thì nhận được tin gia đình có việc nên Vương Văn Q và Triệu Văn T cùng đi xe máy của T đi về nhà. Trên đường về nhà Q và T đi xuống Thành phố C để đi tìm mua ma túy về sử dụng, khi hai người ngồi uống nước tại bến xe khách thành phố C Q gặp một người đàn ông khoảng trên 40 tuổi, không rõ họ tên, địa chỉ đến làm quen và hỏi: “*có làm tý không*”, Q hiểu ý là có muốn sử dụng Hêrôin không nên trả lời: “*ở đâu có anh*”, người đàn ông nói: “*đưa tiền cho anh để anh lấy cho*”, Q đưa cho người đàn ông này 450.000 đồng để mua ma túy. Khoảng 30 phút sau người đàn ông đó quay lại và đưa cho Q 01 gói nhỏ, Q rủ T và người đàn ông đó xuống khu vực bờ sông gần bến xe khách để sử dụng luôn. Sử dụng xong Q một mình gói Hêrôin còn lại để mang về. Trên đường về đến đoạn dốc K, thuộc xóm Đ, xã L, huyện T thì bị phát hiện và thu giữ (*bút lục số: 22 đến 29 từ 34, 39,40*).

Quá trình điều tra Q thành khẩn khai báo, lời khai của Q phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với biên bản mở niêm phong cân xác định khối lượng và phù hợp với lời khai người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

- Đối với các đồ vật tạm giữ của Vương Văn Q và Triệu Văn T gồm:

+ 01 chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Mobistar có nắp sau màu trắng của Q, quá trình điều tra xác định đây là chiếc điện thoại Q sử dụng để liên lạc với gia đình không liên quan đến vụ án.

+ 01 chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Samsung có nắp sau màu đồng của T, quá trình điều tra xác định không liên quan đến vụ án. Đối với chiếc xe máy BKS 11H1-181.92 nhãn hiệu Yamaha màu đen – xám đã qua sử dụng và giấy đăng ký xe mang tên Triệu Văn T kết quả điều tra xác định đây là xe của T, T cho Q điều khiển vì T chưa có giấy phép lái xe, việc Q sử dụng chiếc xe để vận chuyển ma túy T không biết nên chiếc xe không liên quan đến vụ án.

> Những tài liệu và những đồ vật tạm giữ không liên quan đến vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho gia đình Q và T là đúng quy định pháp luật (*bút lục số: 65,66*).

Về số ma túy Q được mua với người đàn ông khoảng hơn 40 tuổi, không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để mở rộng vụ án.

Đối với Triệu Văn T quá trình điều tra xác định T không được góp tiền với Q để mua ma túy, việc Q cất giấu số ma túy mua được và vận chuyển về để sử dụng T cũng không biết nên T không liên quan đến vụ án. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với T là phù hợp.

Việc Q khai nhận được nhiều lần ra khu vực bến xe khách thành phố C tìm mua ma túy về sử dụng, với nhiều người đàn ông lái xe ôm không rõ họ tên, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để mở rộng vụ án đồng thời do không lấy được lời khai của những người đàn ông đã bán ma túy cho Q trong những lần trước đây, chỉ căn cứ vào một lời khai duy nhất của Q do đó không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi nhiều lần đối với Q.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã đề nghị truy tố bị cáo Vương Văn Q về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng số: 16/CT-VKSTN ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện T để xét xử bị cáo Vương Văn Q về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu đều phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Vương Văn Q từ 12 đến 18 tháng tù. Đồng thời đề nghị miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Tại lời nói sau cùng, bị cáo xin đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được

hưởng mức hình phạt thấp nhất để sớm trở về với cộng đồng trở thành người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

{1} Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

{2} Xét hành vi của bị cáo bị truy tố: Ngày 15.6.2018 bị cáo Vương Văn Q đã có hành vi tàng trữ 0,32 gam Hêrôin với mục đích sử dụng cho bản thân bị cáo ngoài ra không có mục đích nào khác. Hành vi của bị cáo đã hoàn thành với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý Nhà nước về chất ma túy. Với tác hại của chất ma túy đối với sức khỏe con người và môi nguy hại của nó đối với gia đình và xã hội. Nhà nước và toàn thể nhân dân đang có những chính sách, biện pháp phòng chống, ngăn chặn, nhằm đẩy lùi tệ nạn và những tội phạm về ma túy, thì bị cáo lại tiếp tay cho tội phạm ma túy phát triển, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình.

{3} Xét tính chất mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo cho thấy: Bị cáo đã tàng trữ 0,32 gam Hêrôin để sử dụng khối lượng ma túy thuộc điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 quy định mức hình phạt từ 01 năm đến 05 năm.

{4} Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do đó bị cáo sẽ được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bản thân bị cáo được tặng giấy khen đạt giải ba thi viết đã trong Đại hội thể dục thể thao huyện T năm 2014 và có thành tích khác trong thời gian còn ở quân đội, đó là căn cứ để áp dụng điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo có Ông nội là người có công với nước trong kháng chiến chống Pháp, Bó để được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba trong chiến tranh biên giới phía bắc bảo vệ Tổ quốc đó là căn cứ để áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

{5} Xét về nhân thân bị cáo có nhân thân tốt, trước khi xét xử bị cáo không có tiền án, tiền sự, chưa bị bắt buộc phải đi cai nghiện tập trung. Tuy nhiên để nhằm

trừng trị đối với người đã thực hiện hành vi phạm tội cũng như công tác đấu tranh phòng chống tội phạm về ma túy của Đảng và Nhà nước ta cần phải cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định mới đảm bảo cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và làm gương cho kẻ khác.

{6} Về nguồn gốc số Hêrôin thu giữ bị cáo khai mua của người đàn ông khoảng trên 40 tuổi tại bến xe khách thành phố C, không biết họ tên, địa chỉ người này, hành vi mua bán đó là hành vi nguy hiểm cho xã hội cần phải xử lý. Nhưng quá trình điều tra không xác định rõ được đối tượng nên không có căn cứ xử lý ở vụ án này đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý ở vụ án khác.

{7} Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính là hình phạt tù thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Song xét thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn lại là người nghiện thu nhập chính nhờ đi làm thuê nên không có khả năng để thi hành. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

{8} Về xử lý vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) phong bì mặt trước ghi vật chứng vụ Vương Văn Q – tàng trữ trái phép chất ma túy. Xảy ra ngày 15/6/2018 tại khu vực dốc K, thuộc xóm Đ, xã L, huyện T, tỉnh C, Mặt sau phong bì có 04 hình dấu đỏ của cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh C và chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong.

(Xác nhận vật chứng trên đã được Công an huyện T bàn giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện T hồi 09 giờ 00 phút, ngày 08 tháng 8 năm 2018).

{9} Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Tuyên bố:* Bị cáo Vương Văn Q phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. *Áp dụng:* Điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015:

- Xử phạt: Bị cáo Vương Văn Q **11 (Mười một)** tháng tù, thời gian thụ hình được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 15 tháng 6 năm 2018).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

3. *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

+ Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) phong bì mặt trước ghi vật chứng vụ Vương Văn Q - tàng trữ trái phép chất ma túy. Xảy ra ngày 15/6/2018 tại khu vực dốc K, thuộc xóm Đ, xã L, huyện T, tỉnh C. Mặt sau phong bì có 04 hình dấu đỏ của cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh C và chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong.

(Xác nhận vật chứng trên đã được Công an huyện T bàn giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện T hồi 09 giờ 00 phút, ngày 08 tháng 8 năm 2018).

4. *Về án phí:* Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Vương Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), để sung quỹ Nhà nước.

5. *Về quyền kháng cáo đối với bản án:* Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh C;
- VKSND huyện, Tỉnh;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Sở Tư pháp tỉnh C;
- Trại giam Công an tỉnh C;
- Bị cáo (Q);
- UBND xã L;
- Lưu: HS, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Bá Thanh